CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Quốc tế Phương Anh

Ngày 31/12/2024	3,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.3%	-	-

DT thuần
Q4/24
255
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 23.0| 10.1%
YoY: ▲ 93.0| 57.6%

LN thuần
Q4/24
1.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.27| 17.4%
YoY: ▼1.78| -49.4%

LN sau thuế
Q4/24
9.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.16| 2234%
YoY: ▲ 5.89| 160%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
2.4%
YoY: +/-▲ 0.1%

ROE
2024
3.0%
YoY: +/-▲ 3.1%

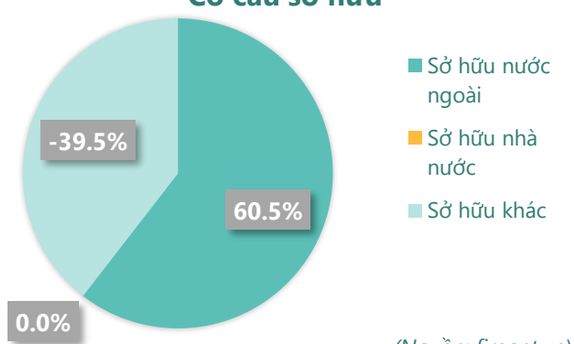
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,000 - 4,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	84
Số lượng CPLH (CP)	28,049,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)	79,240
Sở hữu nước ngoài	288.4%
Beta	1.44
EPS	427
P/E	7.0

DT thuần
2024
1,068
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 385| 56.3%

LN thuần
2024
6.57
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.82| 779%

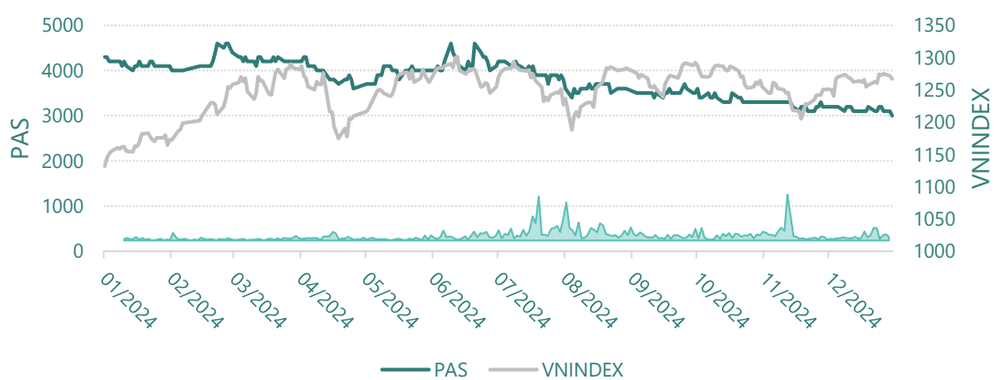
LN sau thuế
2024
11.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.1| 4181%

Cơ cấu sở hữu

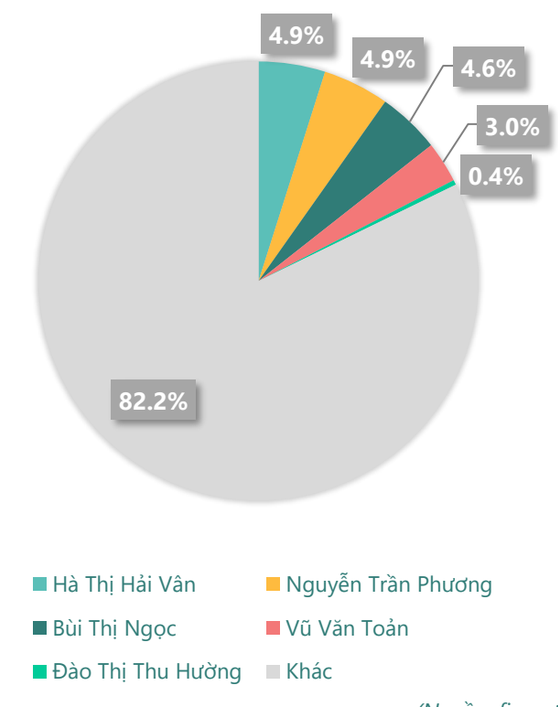


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



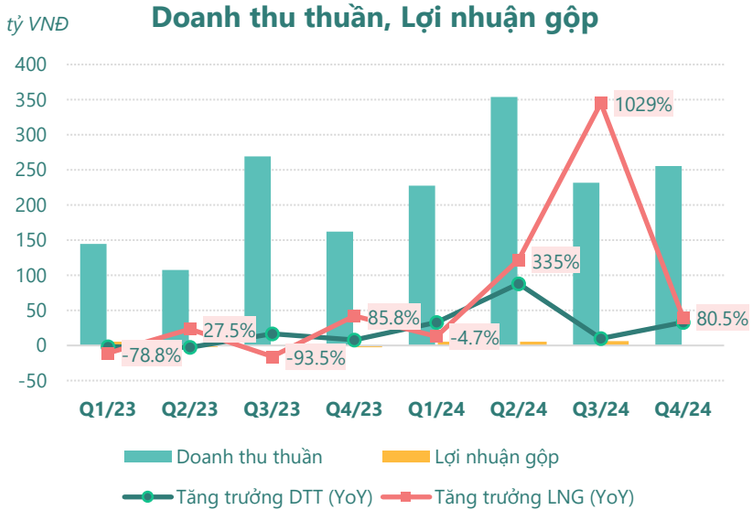
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

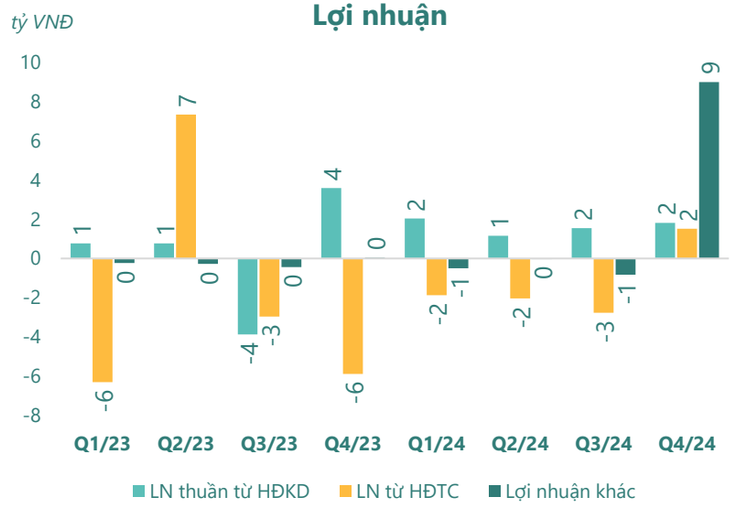
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



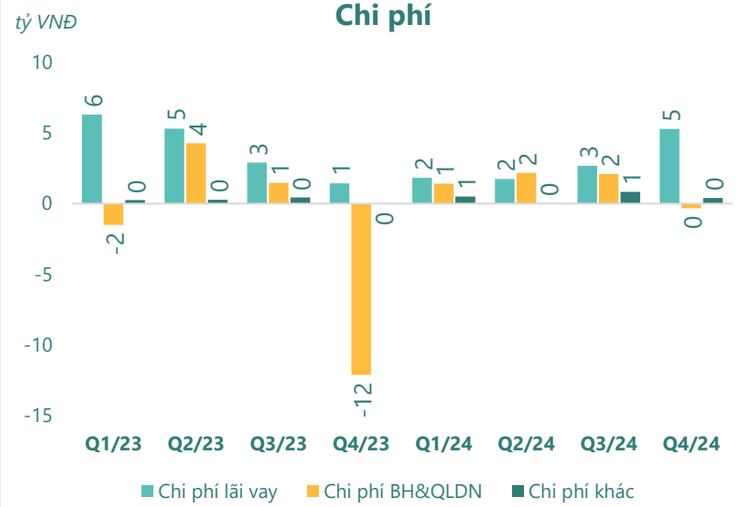
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



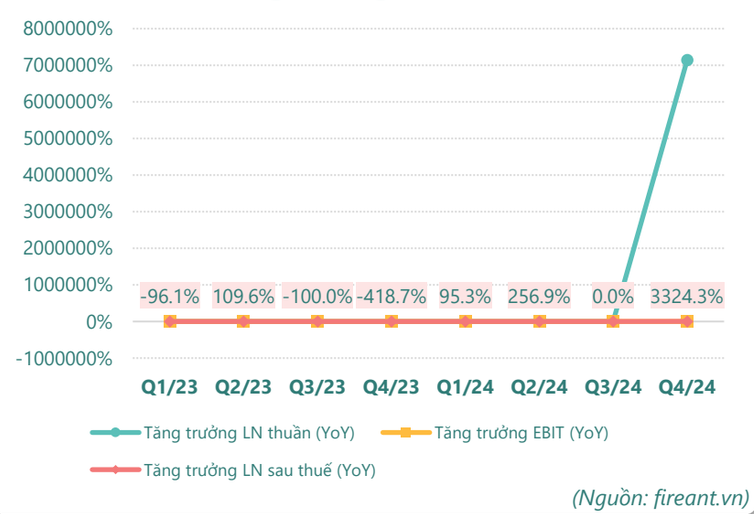
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



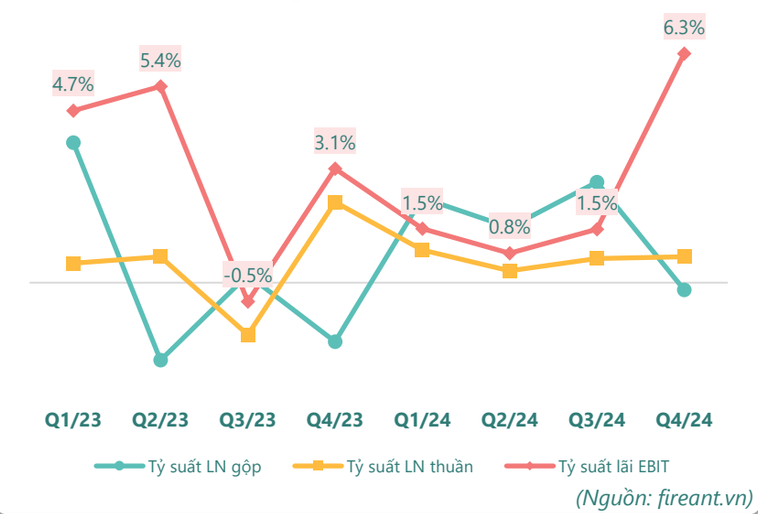
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



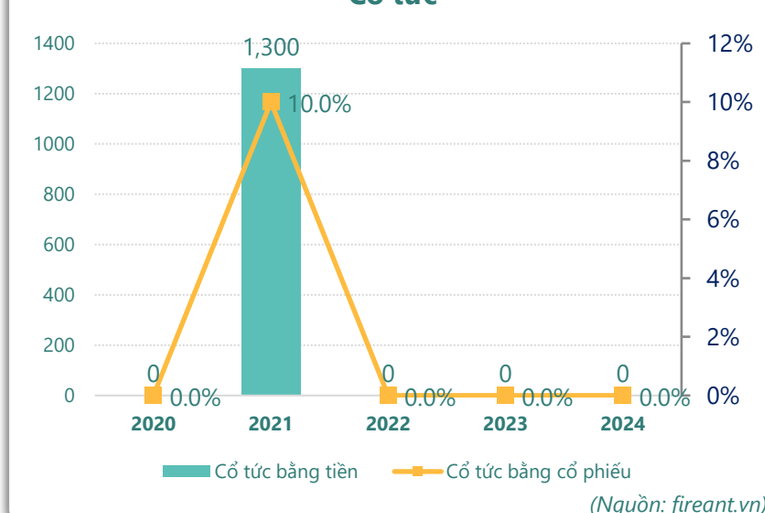
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

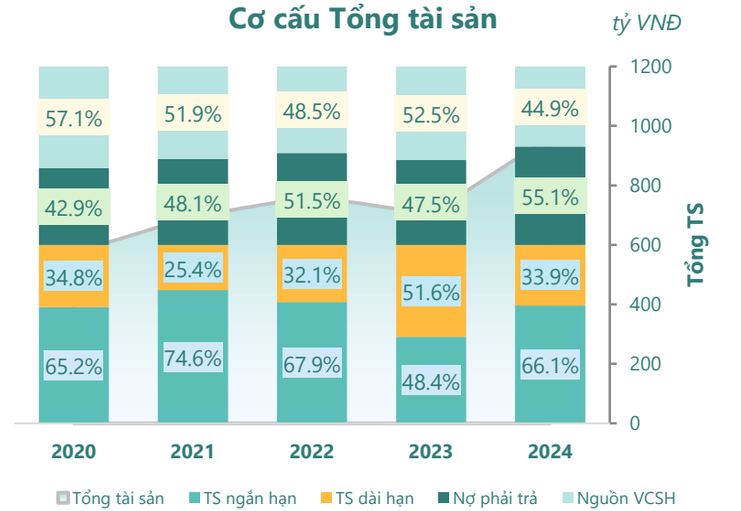
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

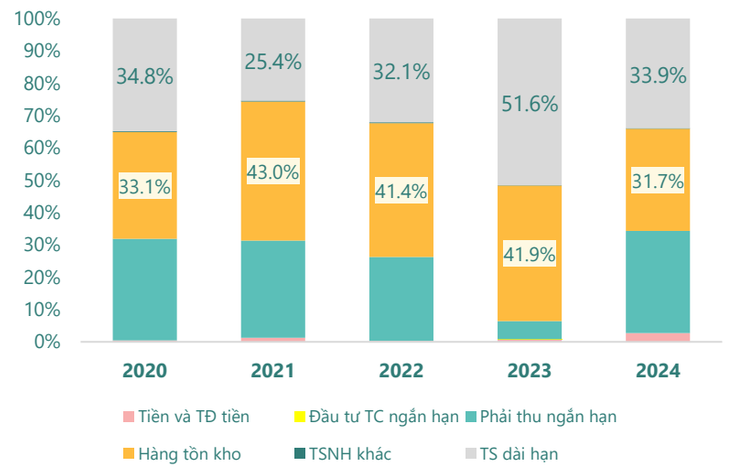
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



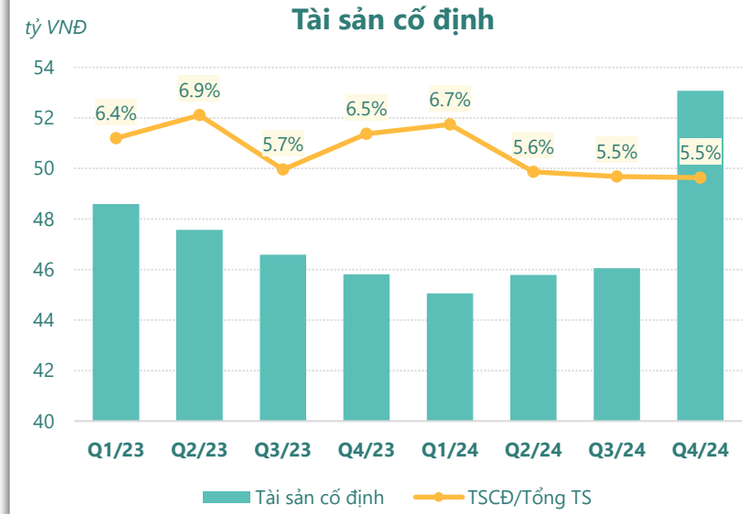
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



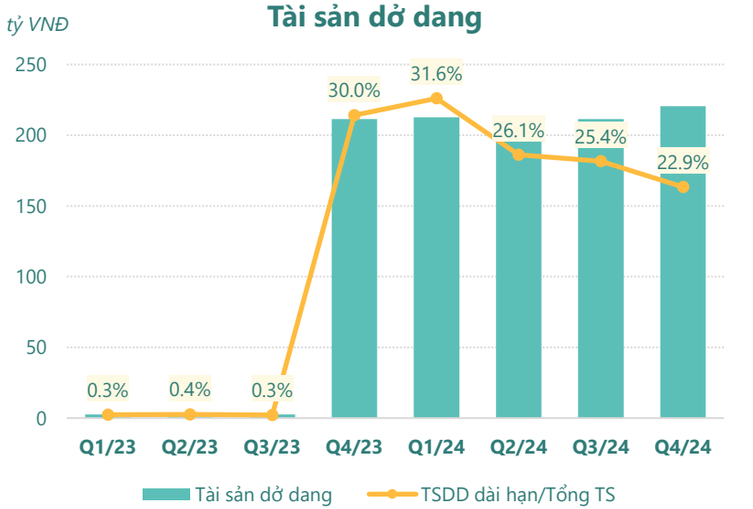
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



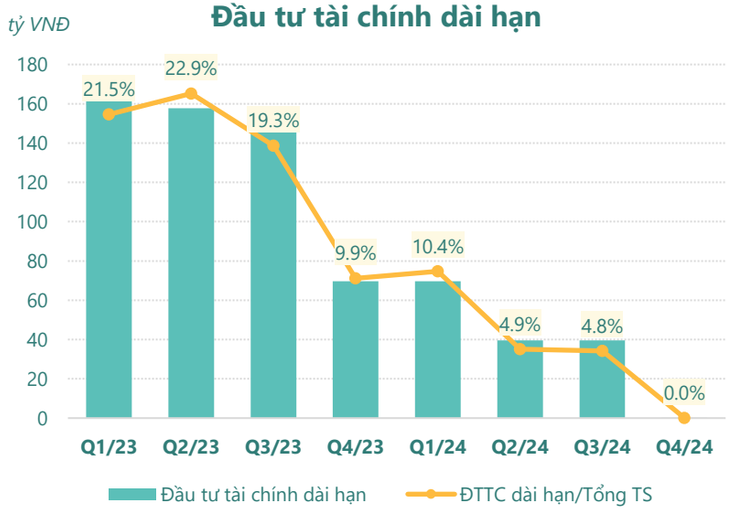
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



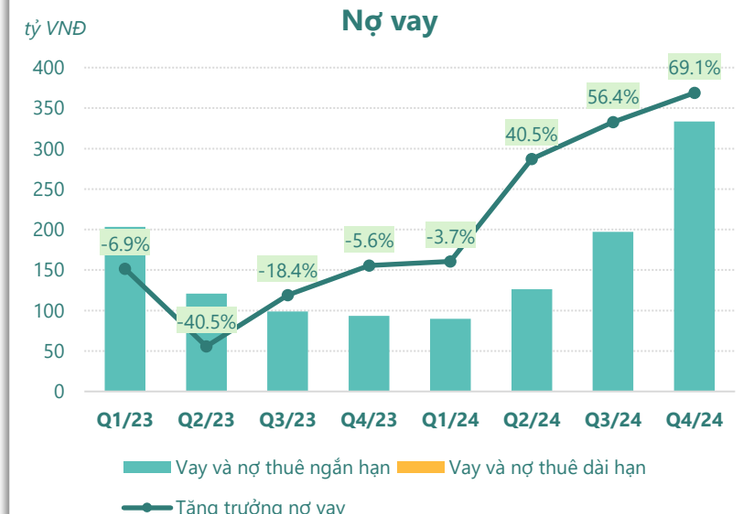
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

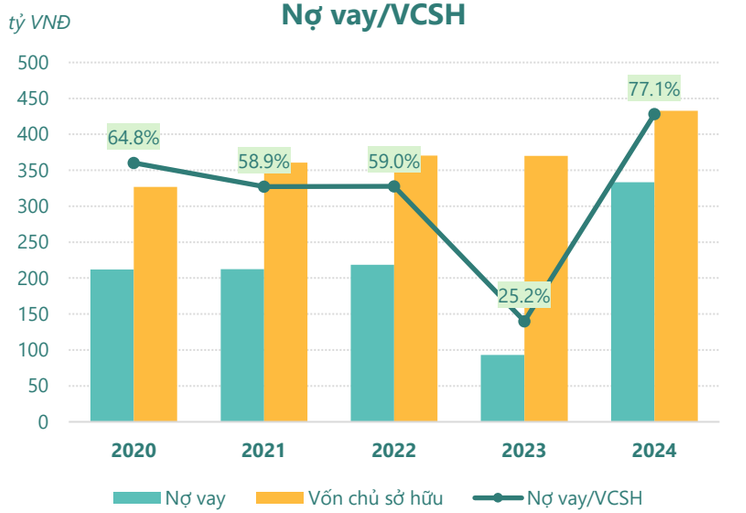
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

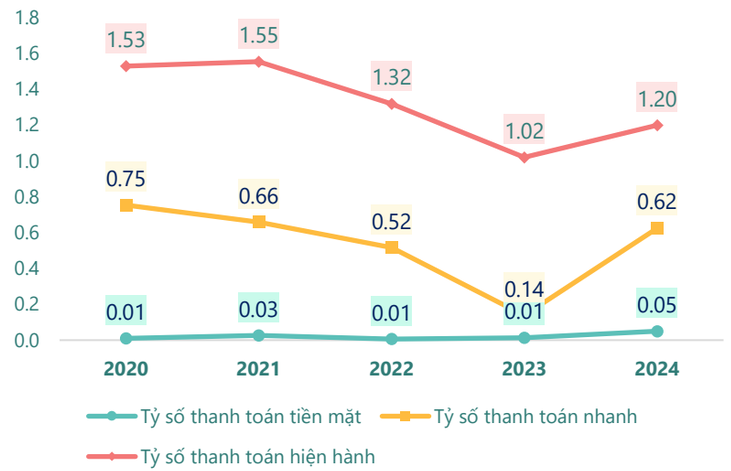
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



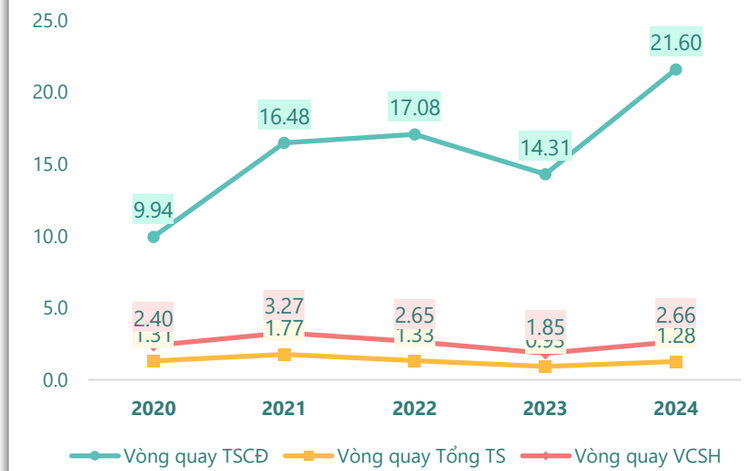
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



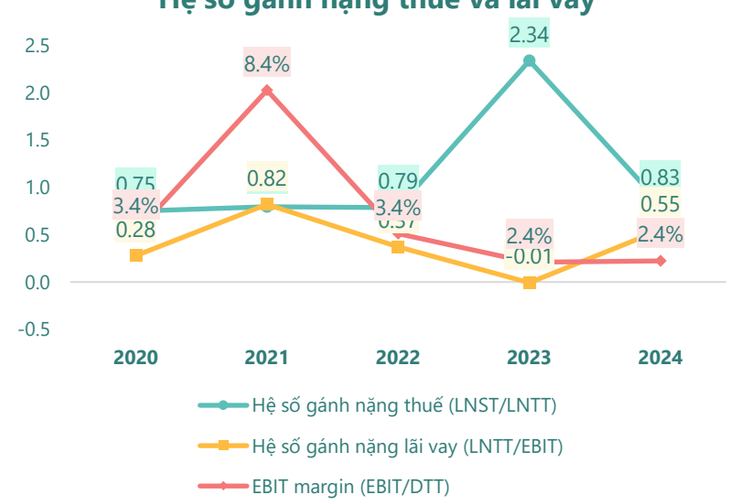
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



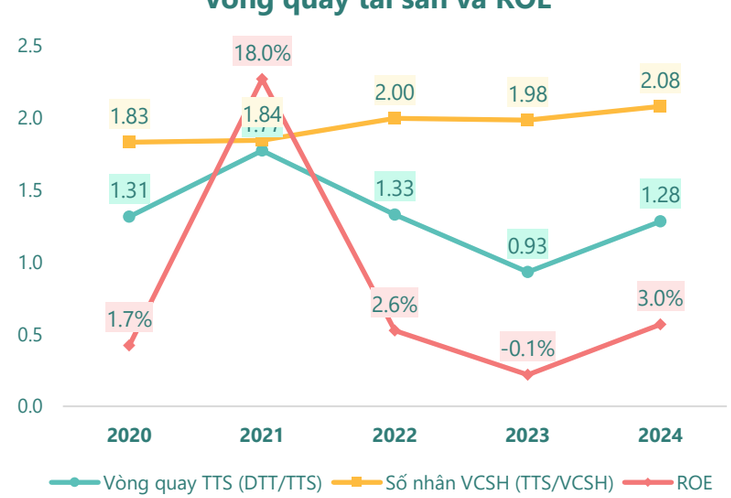
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



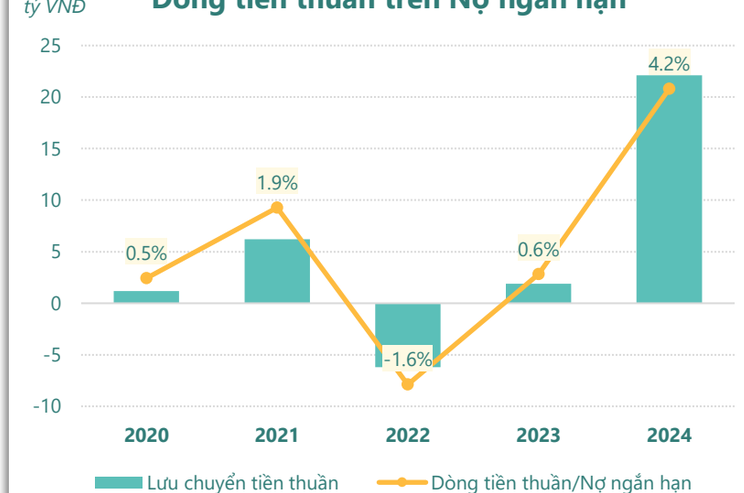
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**255**	**162**	**57.6%**	**1,068**	**683**	**56.3%**
Giá vốn hàng bán	256	165	55.1%	1,051	684	53.7%
Lợi nhuận gộp	-0.51	-2.64	80.5%	16.6	-0.98	1795%
Doanh thu HĐTC	0.14	0.66	-78.2%	0.17	10.4	-98.4%
Chi phí TC	-1.38	6.55	-121%	5.32	16.5	-67.8%
Chi phí lãi vay	5.30	1.44	268%	11.6	16.3	-28.8%
LN trong công ty LKLD	**0.48**	**0.00**		**0.48**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.65	0.31	110%	2.37	1.48	60.9%
Chi phí QLDN	**-0.99**	**-12.4**	**92.1%**	**2.99**	**-9.32**	**132%**
LN thuần từ HĐKD	1.82	3.60	-49.4%	6.57	0.75	779%
Lợi nhuận khác	**9.00**	**0.04**	**22403%**	**7.64**	**-0.87**	**978%**
LN trước thuế	10.8	3.64	197%	14.2	-0.12	11604%
Lợi nhuận sau thuế	**9.57**	**3.68**	**160%**	**11.8**	**-0.29**	**4181%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.76**	**3.68**	**165%**	**12.0**	**-0.29**	**4247%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.2	-77.9	-2.99	-49.7	-62.2	-199
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.25	83.1	3.13	24.6	-19.4	82.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-22.2	-5.51	-3.49	36.4	71.1	141
Tiền đầu kỳ	1.81	4.58	4.29	0.93	12.1	1.71
Lưu chuyển tiền thuần	**2.77**	**-0.29**	**-3.36**	**11.2**	**-10.4**	**24.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0.00	0.12
Tiền cuối kỳ	4.58	4.29	0.93	12.1	1.71	26.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**964**	**704**	**36.8%**
Tài sản ngắn hạn	637	341	86.7%
Tiền và tương đương tiền	26.5	4.29	518%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.12	-100%
Phải thu ngắn hạn	304	40.1	657%
Hàng tồn kho	305	295	3.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.37	0.70	95.3%
Tài sản dài hạn	**327**	**363**	**-10.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	53.1	45.8	15.9%
Bất động sản đầu tư	31.6	31.6	0.0%
Tài sản dở dang	221	211	4.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.10	69.7	-99.9%
Tài sản dài hạn khác	**1.21**	**4.92**	**-75.5%**
Lợi thế thương mại	20.5	0	
Nợ phải trả	531	334	58.8%
Nợ ngắn hạn	**531**	**334**	**58.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	333	93.2	258%
Phải trả người bán ngắn hạn	109	175	-37.5%
Nợ dài hạn	0.20	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**433**	**370**	**16.9%**
Vốn chủ sở hữu	**433**	**370**	**16.9%**
Vốn điều lệ	280	280	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)